

Số: 128 /NQ-HĐND

Vĩnh Cửu, ngày 21 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước –  
chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện (đợt 3)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU  
KHÓA XII – KỲ HỌP LẦN THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện (đợt 3); báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện (đợt 3), cụ thể như sau:

**A/ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:**

**I/ Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách địa phương để đảm bảo cân đối ngân sách:**

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Giảm dự toán chi quản lý nhà nước:         | 650.000.000 đồng |
| - Tăng dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: | 650.000.000 đồng |

**II/ Điều chỉnh nhiệm vụ chi dự toán chi ngân sách địa phương để đảm bảo cân đối ngân sách:**

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Điều chỉnh nhiệm vụ chi (mức tăng khoản chi theo Nghị Quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai, huyện đã cân đối chi trong dự toán đầu năm tỉnh cấp hoàn trả nguồn cho huyện) nay sử dụng kinh phí này để chi bổ sung kinh phí của phương án bổ nhiệm, xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện theo Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND huyện Quyết định điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 18/07/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND huyện: 10.220.000.000 đồng

**III/ Điều chỉnh giảm dự toán chi: 896.000.000 đồng**

Kinh phí thực hiện hỗ trợ ngư dân chấm dứt sử dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị Quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 của Hội Đồng Nhân dân tỉnh từ nguồn dự phòng ngân sách huyện: 896.000.000 đồng

**B/ BỔ SUNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:**

**37.913.474.797 đồng**

**I/ Nguồn thu từ ngân sách tỉnh bổ sung: 26.350.427.000 đồng**

**1/ Nguồn thu từ ngân sách tỉnh chi đầu tư XDCB: 13.967.000.000 đồng**

**2/ Nguồn thu từ ngân sách tỉnh chi thường xuyên: 12.383.427.000 đồng**

**a/ Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 : 11.870.000.000 đồng**

- Kinh phí nghỉ việc không chuyên trách cấp xã, ấp: 118.000.000 đồng

- Kinh phí trợ cấp thôi việc cho lực lượng dân quân thường trực xã, công an xã: 192.000.000 đồng

- Kinh phí tăng chi bảo vệ dân phố, dân phòng, công an xã do tăng lương cơ sở: 394.000.000 đồng

- Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế: 293.000.000 đồng

- Kinh phí mai táng phí: 1.120.000.000 đồng

- Kinh phí hỗ trợ ngư dân chấm dứt sử dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản: 2.548.000.000 đồng

- Kinh phí giảm thiểu tác hại do môi trường khai thác khoáng sản gây ra: 7.205.000.000 đồng

**b/ Kinh phí còn dư sau khi thực hiện Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh: 513.427.000 đồng**

**II/ Nguồn thu từ ngân sách huyện: 6.124.702.018 đồng**

**Nguồn thu từ ngân sách huyện chi thường xuyên: 6.124.702.018 đồng**

- Nguồn kết dư năm 2022 chuyển sang: 6.124.702.018 đồng

**III/ Nguồn thu từ ngân sách huyện năm trước chuyển sang từ nguồn ngân sách tỉnh cấp cho ngân sách huyện: 5.438.345.779 đồng**

Phụ: - Kinh phí thực hiện dự án đường nội đồng tại cánh đồng Bình Lục – Long  
5.438.345.779 đồng

**C/ BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:**

	<b>23.539.916.052 đồng</b>
<b>I/ Đối với Chi thường xuyên:</b>	<b>23.539.916.052 đồng</b>
Chi sự nghiệp kinh tế:	9.892.144.650 đồng
Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:	3.396.360.535 đồng
Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:	28.869.497 đồng
Chi sự nghiệp thể dục – thể thao:	14.367.604 đồng
Chi sự nghiệp đài truyền thanh:	44.598.455 đồng
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:	1.371.839.350 đồng
Chi quản lý hành chính:	753.530.026 đồng
Chi sự nghiệp an ninh:	435.564.200 đồng
Chi sự nghiệp quốc phòng:	89.400.000 đồng
Chi khác:	7.495.241.735 đồng

(Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Giao trách nhiệm Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Cửu khóa XII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2023. /.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai;
  - Thường trực Huyện ủy;
  - Thường trực HĐND, UBND huyện;
  - Các Ban HĐND huyện;
  - Đại biểu HĐND huyện;
  - Các Ban XD Đảng, Văn phòng Huyện ủy;
  - UBMTTQVN và các đoàn thể huyện;
  - Viện KSND, TAND, Chi cục THADS huyện;
  - Các phòng ban, cơ quan thuộc huyện;
  - HĐND, UBND các xã, thị trấn;
  - Trang thông tin điện tử huyện;
  - Lưu: VT, TH HĐND.
- D/HĐND/2023/NQ

**CHỦ TỊCH**



**Lê Đỗ Kim Chi**

**Phụ lục 1**  
**Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách địa phương để đảm bảo cân đối ngân sách năm 2023**  
*(Đính kèm Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)*

A		B		C		D	
NỘI DUNG		SỐ TIỀN	NHU CẦU CHI		ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỶ LỆ
TỔNG ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN			TỔNG CHI				
I	Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên	650.000.000	I	Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên		650.000.000	0
I	Chi quản lý nhà nước	650.000.000	I	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		650.000.000	0
	Giảm dự toán chi Quản lý nhà nước để tăng một số nhiệm vụ chi từ điều chỉnh giảm dự toán (ngân sách tỉnh cấp về chi nội dung là kinh phí khoán chi theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai, huyện đã cân đối chi trong dự toán đầu năm tỉnh cấp hoàn trả nguồn cho huyện)	650.000.000		Bổ sung kinh phí trợ cấp xã hội (chi tăng đối tượng trợ cấp xã hội, tăng thêm do chênh lệch mức lương cơ sở trợ cấp xã hội)	Phòng Lao Động Thương Binh Xã Hội	650.000.000	
II	Điều chỉnh giảm nhiệm vụ chi	0	II	Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên		0	0
I	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	10.220.000.000	I	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo		10.220.000.000	
	Điều chỉnh nhiệm vụ chi (mức tăng khoản chi theo Nghị Quyết số 25/2022/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai, huyện đã cân đối chi trong dự toán đầu năm tỉnh cấp hoàn trả nguồn cho huyện)	10.220.000.000		Bổ sung kinh phí của phương án bổ nhiệm, xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện theo Quyết định điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 18/07/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND huyện	Các đơn vị trường học trên địa bàn huyện	10.220.000.000	
<b>TỔNG</b>		<b>0</b>					

Đơn vị tính: đồng

**Phụ lục 2**  
**Điều chỉnh giảm dự toán chi (huyện đã chi nay ngay tính cấp về hoàn trả lại nguồn cho ngân sách huyện)**  
*(Đính kèm Nghị quyết số: 128/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)*

*Đơn vị tính: đồng*

A	NGUỒN	SỰ NGHIỆP	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	CHI CHỮ
I	Nguồn dự phòng		Tổng cộng điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên		896.000.000	
a		Sự nghiệp kinh tế	Kinh phí thực hiện hỗ trợ ngư dân chăm sóc sự dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị Quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 của Hội Đồng Nhân dân tỉnh từ nguồn dự phòng ngân sách huyện nay tính cấp bổ sung hoàn trả lại nguồn cho ngân sách huyện	Phong Nông Nghiệp và PTNT	896.000.000	

**Phụ lục 3**  
**Biểu cân đối nguồn bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (đợt 3)**  
 (Đính kèm Nghị quyết số: 128 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)

A		B		Đơn vị tính: đồng		
NGUỒN THU	SỐ TIỀN	NGUỒN KẾT DƯ CTX	NGUỒN KẾT DƯ CTX	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỔN
TỔNG THU	37.913.474.797		TỔNG CHI		23.539.916.052	14.373.558.745
I NGUỒN KẾT DƯ CTX	6.124.702.018	I	NGUỒN KẾT DƯ CTX		5.802.665.523	322.036.495
			Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thẩm định lương	Trung tâm VH-TT&TT (Kho Lưu trữ)	5.688.952	
			Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thẩm định lương	Trung tâm DVNN	5.676.338	
			Bổ sung kinh phí tham gia tuần lễ văn hóa du lịch và âm thực tỉnh Đồng Nai năm 2023 theo KH 1815/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện	Trung tâm VH-TT&TT	18.650.000	
			Bổ sung kinh phí tham gia tuần lễ văn hóa du lịch và âm thực tỉnh Đồng Nai năm 2023 theo KH 1815/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện (Dưa xe đạp)	Trung tâm VH-TT&TT	12.210.000	
			Bổ sung phần kinh phí tham quan, học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo KH 1840A/KH-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện	Phòng Nông Nghiệp và PTNT	127.779.360	
			Bổ sung kinh phí tham gia liên hoan "ấp khu phố văn hóa tiêu biểu xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ V năm 2023	UBNDTT Quốc huyện	21.050.000	
			Bổ sung kinh phí để phục vụ Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 06/QĐ-TT ngày 08/09/2023	Thanh Tra	36.400.000	
			Bổ sung kinh phí của Đoàn liên ngành 389/DP huyện	Phòng KTHH	94.100.000	
			Bổ sung kinh phí khen thưởng trong tham gia giao lưu bóng đá nam cụm thi đua số 2 của tỉnh	Phòng Nội Vụ	26.000.000	
			Bổ sung kinh phí tổ chức đại hội và hoạt động của Hội Luật Gia huyện Vĩnh Cửu lần thứ I (NK 2023-2028)	Phòng Nội Vụ	22.100.000	
			Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thẩm định lương (BPVHTT)	Trung tâm VH-TT&TT	10.219.497	
			Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thẩm định lương (BPTDTT)	Trung tâm VH-TT&TT	2.157.604	
			Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thẩm định lương (BPPTT)	Trung tâm VH-TT&TT	44.598.455	
			Chi hoàn trả khoản thu ngân sách huyện cho hộ Ông Huỳnh Thanh Phú (con của ông Huỳnh Văn Tuấn)	Ngân sách huyện	4.017.032	

A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỔN
				Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) theo hướng dẫn số 5198/HDL-S-TC-CAT-BC HQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho Ban bảo vệ dân phố	UBND TT Vĩnh An	264.200	
				Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện	Các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện	752.331.010	
				Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/ND-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	Các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện	516.306.600	
				Bổ sung kinh phí giáo viên dạy thuyết (tất) theo Nghị Định 28/ND-CP ngày 10/04/2012	Các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện	330.974.308	
				Bổ sung kinh phí của phương án bổ nhiệm, xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện theo Quyết định điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 18/07/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND huyện	Các trường học (MN, TH, THCS) trên địa bàn huyện	1.796.748.617	
				Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/ND-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	Phòng VHHT	165.309.093	
				Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/ND-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	Văn Phòng huyện ủy	155.141.333	
				Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/ND-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	Hội nông dân	115.491.200	

A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỶ
				Hoàn trả ngân sách tỉnh những nội dung hết nhiệm vụ chi NTTCS	Ngân sách huyện	1.539.451.924	
				Kinh phí đất lúa	Ngân sách huyện	60.017.700	
				Công trình Cải tạo cảnh quan Khu vực cầu Thủ Biên (giai đoạn 2)	Ngân sách huyện	86.067.118	
				Công trình Trồng cây xanh 2 bên các tuyến đường Phan Chu Trinh (đường 768 nối dài), đường Vĩnh Tân - Cây Diệp, đường 322A, đường 322B, đường trục 16 và khu vực đầu cầu Rạch Đông	Ngân sách huyện	351.335.416	
				Nâng cấp vỉa hè, HT chiếu sáng các tuyến đường nơi ở nông thôn chống ngập trong mùa mưa	Ngân sách huyện	240.341.000	
				Duy tu s/c tuyến đường cô cây xoài	Ngân sách huyện	311.675.000	
				Xây dựng trạm bơm cấp nước sạch	Ngân sách huyện	248.808.000	
				Kinh phí lắp đặt hệ thống chiếu sáng, cải tạo công viên, khu hành chính, s/c các tuyến đường	Ngân sách huyện	199.041.000	
				Kinh phí chính lý tài liệu	Ngân sách huyện	42.166.690	
II	<b>Nguồn ngân sách tỉnh</b>	<b>26.350.427.000</b>	II	<b>Nguồn ngân sách tỉnh</b>		<b>12.298.904.750</b>	<b>14.051.522.250</b>
a	Tính bổ sung đợt 2	25.837.000.000	a			11.785.477.750	84.522.250
	Kinh phí sửa chữa chương trình dự án từ nguồn thu tiền đất trồng lúa	13.967.000.000					0
	Ngại việc không chuyên trách cấp xã, ấp	118.000.000		Bổ sung kinh phí Nghị việc không chuyên trách cấp xã, ấp của CBCT theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	UBND xã Tân Bình	57.096.800	
				Bổ sung kinh phí Nghị việc không chuyên trách cấp xã, ấp của CBCT theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	UBND xã Hiếu Liêm	42.080.600	
				Bổ sung kinh phí Nghị việc không chuyên trách cấp xã, ấp của CBCT theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	UBND TT Vĩnh An	18.761.000	
	Trợ cấp thôi việc cho LLDQT xã, công an xã	192.000.000				148.700.000	43.300.000



A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỔN
				Bổ sung kinh phí Nghi việc DQTT cho UBND các xã, thị trấn Vĩnh An theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	UBND xã Tân An, Hiếu Liêm, Mã Đà, Vĩnh Tân, TT Vĩnh An	89.400.000	
				Bổ sung kinh phí nghi việc công an bán chuyên trách theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	UBND xã Tân Bình, Tân AN, Mã Đà, Vĩnh Tân	51.740.000	
				Bổ sung kinh phí nghi việc của Ban Bảo Vệ Dân Phố theo Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 05/06/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về chế độ chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố	UBND TT Vĩnh An	7.560.000	
	<b>Tăng chi bảo vệ dân phố, dân phòng, công an xã do tăng lương cơ sở</b>	<b>394.000.000</b>				<b>394.000.000</b>	<b>0</b>
				Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) Công an theo hướng dẫn số 5198/HDLS-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	các xã thị trấn trên địa bàn huyện	288.151.200	
				Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) theo hướng dẫn số 5198/HDLS-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai Ban bảo vệ dân phố	các xã thị trấn trên địa bàn huyện	70.587.000	

A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỔNG
				Bổ sung kinh phí tăng MLCS (1490,000 lên 1.800,000 ) cho Ban bảo vệ dân phố theo Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 05/06/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về chế độ chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố	UBND TT Vinh An	35.261.800	
				Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật cho các xã thị trấn Vinh An trên địa bàn huyện thực hiện theo Thông tư 25/2016/ TT-BLĐXH ngày 20/07/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	các xã thị trấn trên địa bàn huyện	251.839.350	41.160.650
	Hỗ trợ mua thẻ BHYT	293.000.000		Bổ sung kinh phí mai táng phí	Phòng Lao Động Thương Binh Xã Hội	1.120.000.000	0
	Mai táng phí	1.120.000.000		Bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ ngư dân chôn đút sử dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị Quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 của Hội Đồng Nhân dân tỉnh	Phòng Nông Nghiệp và PTNT	2.548.000.000	
	Kinh phí hỗ trợ ngư dân chôn đút sử dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản	2.548.000.000		Bổ sung kinh phí giảm thiểu tác hại do môi trường khai thác khoáng sản gây ra	Phòng Tài Nguyên Môi trường	7.205.000.000	0
	Bổ sung kinh phí giảm thiểu tác hại do môi trường khai thác khoáng sản gây ra	7.205.000.000		Hoàn trả ngân sách tỉnh kinh phí còn dư sau khi thực hiện QĐ số 122/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh (CV số 5967/STC-NSNN ngày 04/10/2023)	Ngân sách huyện	513.427.000	
	Kinh phí còn dư sau khi thực hiện QĐ số 122/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh	513.427.000					
	Nguồn hoàn trả kinh phí tình bổ sung NTCS dự án đường nội đồng tại cánh đồng Bình	5.438.345.779	III	Chi hoàn trả kinh phí bổ sung thực hiện dự án đường nội đồng tại cánh đồng Bình Lục – Long Phú	Ngân sách huyện	5.438.345.779	
	Lục – Long Phú	5.438.345.779	III				
	TỔNG	14.373.558.745					

**Phụ lục 4**  
**Bảng tổng hợp bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (đợt 3)**  
*(Đính kèm Nghị quyết số: 198/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Cửu)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCs	Nguồn kết dư	Ghi chú
A	B	C	1=2+3+4+8	2	3	4	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>23.539.916.052</b>	<b>12.298.904.750</b>	<b>5.438.345.779</b>	<b>5.802.665.523</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế:</b>		<b>9.892.144.650</b>	<b>9.753.000.000</b>	<b>-</b>	<b>139.144.650</b>	<b>0</b>
	Trung tâm VH-TT&TT (Kho Lưu trữ)	Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thẩm định lương	5.688.952			5.688.952	
	Trung tâm DVNN	Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thẩm định lương	5.676.338			5.676.338	
	Phòng Tài Nguyên Môi trường	Bổ sung kinh phí giảm thiểu tác hại do môi trường khai thác khoáng sản gây ra	7.205.000.000	7.205.000.000		-	
	Phòng Nông Nghiệp và PTNT	Bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ ngư dân chăm sóc sử dụng nghề, ngư cụ cầm khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị Quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 08/07/2022 của Hội Đồng Nhân dân tỉnh	2.548.000.000	2.548.000.000		-	
	Phòng Nông Nghiệp và PTNT	Bổ sung phần kinh phí tham quan, học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo KH 1840A/KH-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện	127.779.360			127.779.360	
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:</b>		<b>3.396.360.535</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.396.360.535</b>	
		<b>Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghỉ việc theo Nghị Định 115/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020</b>	<b>752.331.010</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>752.331.010</b>	
	MN Mã Đà	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghỉ việc theo Nghị Định 115/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	36.244.440			36.244.440	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTC	Nguồn kết dư	Ghi chú
	MN Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	95.382.335			95.382.335	
	MN Phú Lý	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	13.173.314			13.173.314	
	MN Vĩnh Tân	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	12.760.956			12.760.956	
	MN Phong Lan	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	98.460.712			98.460.712	
	TH Tân Phú	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	151.863.894			151.863.894	
	TH Trị An	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/2020/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	41.562.636			41.562.636	
	TH Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	41.968.830			41.968.830	
	TH Phú Lý	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	158.870.406			158.870.406	
	TH Cây gáo B	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	61.350.216			61.350.216	
	TH Kim Đồng	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 115/ND-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020	40.693.271			40.693.271	
		<b>Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/ND-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010</b>	<b>516.306.600</b>		-	<b>516.306.600</b>	
	TH Trị An	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/ND-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010	235.521.000			235.521.000	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTC	Nguồn kết dư	Chi chú
	TH Bầu Phụng	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghỉ việc theo Nghị Định 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010	280.785.600			280.785.600	
		<b>Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012</b>	<b>330.974.308</b>	-	-	<b>330.974.308</b>	
	MN Phong Lan	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	53.813.483			53.813.483	
	TH Tân Phú	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	87.969.060			87.969.060	
	TH Chu Văn An	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	22.428.248			22.428.248	
	TH Phú Lý	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	10.947.983			10.947.983	
	TH Bầu Phụng	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	30.635.458			30.635.458	
	TH Kim Đồng	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	46.364.754			46.364.754	
	TH Sông Mây	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	12.830.977			12.830.977	
	THCS Thanh Phú	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	53.153.368			53.153.368	
	THCS Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí giáo viên dạy khuyết tật theo Nghị Định 28/NĐ-CP ngày 10/04/2012	12.830.977			12.830.977	
		Bổ sung kinh phí của phưong ăn bổ nhiệm, xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện theo Quyết định điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 18/07/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt phưong ăn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND huyện	<b>1.796.748.617</b>			<b>1.796.748.617</b>	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
3	Sự nghiệp Văn hóa-thông tin		28.869.497	-	-	28.869.497	-
	Trung tâm VH-TT&TT	Bổ sung kinh phí tham gia tuần lễ văn hóa du lịch và ẩm thực tỉnh Đồng Nai năm 2023 theo KH 1815/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện	18.650.000			18.650.000	
	Trung tâm VH-TT&TT	Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thăm định lượng	10.219.497			10.219.497	
4	Sự nghiệp Thể dục - Thể thao		14.367.604	-	-	14.367.604	
	Trung tâm VH-TT&TT	Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thăm định lượng	2.157.604			2.157.604	
	Trung tâm VH-TT&TT	Bổ sung kinh phí tham gia tuần lễ văn hóa du lịch và ẩm thực tỉnh Đồng Nai năm 2023 theo KH 1815/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện (Đưa xe đạp)	12.210.000			12.210.000	
5	Sự nghiệp Đài truyền thanh		44.598.455	-	-	44.598.455	
	Trung tâm VH-TT&TT	Bổ sung kinh phí thực hiện con người sau khi thăm định lượng	44.598.455			44.598.455	
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		1.371.839.350	1.371.839.350	-	-	-
	Phòng Lao Động Thương Binh Xã Hội	Bổ sung kinh phí mai táng phí	1.120.000.000	1.120.000.000		-	
	UBND xã Tân Bình	<b>Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật</b>	251.839.350	251.839.350		-	
	UBND xã Tân Bình	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	27.146.700	27.146.700		-	
	UBND xã Thạnh Phú	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	25.542.450	25.542.450		-	
	UBND xã Bình Lợi	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	21.176.100	21.176.100		-	
	UBND xã Thiện Tân	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	9.499.950	9.499.950		-	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Tân An	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	16.209.900	16.209.900		-	
	UBND xã Trị An	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	7.895.700	7.895.700		-	
	UBND xã Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	9.499.950	9.499.950		-	
	UBND xã Mã Đà	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	11.020.500	11.020.500		-	
	UBND xã Phú Lý	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	22.208.400	22.208.400		-	
	UBND xã Vĩnh Tân	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	38.767.050	38.767.050		-	
	UBND TT Vĩnh An	Bổ sung kinh phí bảo hiểm y tế chênh lệch cho người cao tuổi và người khuyết tật	62.872.650	62.872.650		-	
7	Chi quản lý hành chính:		753.530.026	117.938.400		635.591.626	
a	Khoá QLNN:	Bổ sung kinh phí trợ giúp việc theo quy định 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v bổ sung chi trả bảo hiểm y tế cho người cao tuổi và người khuyết tật	343.909.093	-	-	343.909.093	
	Phòng VH TT		165.309.093			165.309.093	
	Thanh Tra	Bổ sung kinh phí để phục vụ Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 06/QĐ-TT ngày 08/09/2023	36.400.000			36.400.000	
	Phòng K THTT	Bổ sung kinh phí của Đoàn liên ngành 389/ĐP huyện	94.100.000			94.100.000	
	Phòng Nội Vụ	Bổ sung kinh phí khen thưởng trong tham gia giao lưu bóng đá nam cụm thi đua số 2 của tỉnh	26.000.000			26.000.000	
	Phòng Nội Vụ	Bổ sung kinh phí tổ chức đại hội và hoạt động của Hội Luật Gia huyện Vĩnh Cửu lần thứ 1 (NK 2023-2028)	22.100.000			22.100.000	
b	Khoá đăng		155.141.333	-		155.141.333	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	Văn Phòng huyện ủy	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	155.141.333			155.141.333	
<b>c</b>	<b>Các đơn vị khối đoàn thể</b>		<b>136.541.200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>136.541.200</b>	
	Hội nông dân	Bổ sung kinh phí trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	46.011.200			46.011.200	
	Hội nông dân	Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghi việc theo Nghị Định 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2010 theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	69.480.000			69.480.000	
	UBMTT Quốc huyện	Bổ sung kinh phí tham gia liên hoan "ấp khu phố văn hóa tiêu biểu xuất sắc " tỉnh Đồng Nai lần thứ V năm 2023	21.050.000			21.050.000	
<b>d</b>	<b>Khối xã:</b>		<b>117.938.400</b>	<b>117.938.400</b>		<b>-</b>	
<b>d.1</b>		<b>Nghị việc không chuyển trách cấp xã, ấp</b>	<b>117.938.400</b>	<b>117.938.400</b>		<b>-</b>	
	UBND xã Tân Bình	Bổ sung kinh phí Nghi việc không chuyển trách cấp xã, ấp của CBCT theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	57.096.800			-	
	UBND xã Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí Nghi việc không chuyển trách cấp xã, ấp của CBCT theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	42.080.600			-	
	UBND TT Vĩnh An	Bổ sung kinh phí Nghi việc không chuyển trách cấp xã, ấp của CBCT theo công văn hướng dẫn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	18.761.000			-	



Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCs	Nguồn kết dư	Ghi chú
<b>8</b>	<b>Chi an ninh</b>		<b>453.564.200</b>	<b>453.300.000</b>		<b>264.200</b>	
<b>a</b>		<b>Bổ sung kinh phí tăng MLCs (1490,000 lên 1,800,000 ) cho công an bán chuyên trách</b>	<b>288.151.200</b>	<b>288.151.200</b>		<b>-</b>	
		Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bán chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDLSTC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	28.867.200	28.867.200		-	
	UBND xã Tân Bình	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bán chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDLSTC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	37.944.000	37.944.000		-	
	UBND xã Bình Lợi	Bổ sung kinh phí tăng MLCs (1490,000 lên 1.800,000 ) cho công an bán chuyên trách	25.296.000	25.296.000		-	
	UBND xã Thiện Tân	Bổ sung kinh phí tăng MLCs (1490,000 lên 1.800,000 ) cho công an bán chuyên trách	25.296.000	25.296.000		-	
	UBND xã Tân An	Bổ sung kinh phí tăng MLCs (1490,000 lên 1.800,000 ) cho công an bán chuyên trách	28.458.000	28.458.000		-	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Trị An	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bán chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	15.810.000	15.810.000		-	
	UBND xã Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bán chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	17.918.000	17.918.000		-	
	UBND xã Mã Đà	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bán chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	34.255.000	34.255.000		-	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Phú Lý	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bản chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	36.363.000	36.363.000		-	
	UBND xã Vĩnh Tân	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bản chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	37.944.000	37.944.000		-	
	UBND TT Vĩnh An	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho Công an bản chuyên trách theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	-	-		-	
<b>b</b>		<b>Bổ sung kinh phí tăng MILCS (1490,000 lên 1,800,000 ) đội dân phòng</b>	<b>70.587.000</b>	<b>70.587.000</b>		<b>-</b>	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTC	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Bình Hòa	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-S-TC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	-	-	-	-	
	UBND xã Tân Bình	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-S-TC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	8.556.000	8.556.000		-	
	UBND xã Thạnh Phú	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-S-TC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	14.508.000	14.508.000		-	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Bình Lợi	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh và hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	8.928.000	8.928.000		-	
	UBND xã Thiện Tân	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh và hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	8.928.000	8.928.000		-	
	UBND xã Tân An	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh và hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	8.184.000	8.184.000		-	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Trị An	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh và hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	6.324.000	6.324.000		-	
	UBND xã Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh và hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	3.720.000	3.720.000		-	
	UBND xã Mã Đà	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDL.S-STC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh và hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	2.511.000	2.511.000		-	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCs	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Phú Lý	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-SSTC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	-	-		-	
	UBND xã Vĩnh Tân	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-SSTC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	8.928.000	8.928.000		-	
c	UBND TT Vĩnh An	Bổ sung kinh phí tăng mức lương cơ sở từ (1.490.000 lên 1.800.000) cho đội dân phòng theo hướng dẫn số 5198/HDLĐ-SSTC-CAT-BCHQST ngày 27/09/2017 của Liên Sở Tài chính – Công An Tỉnh – BCH Quân sự Tỉnh về hướng dẫn thực hiện chế độ chi Quốc phòng – An ninh và Công văn số 4558/STC-QLNS ngày 19/08/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung chế độ, chính sách cho LLDQ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	35.526.000	35.261.800		264.200	0

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND TT Vĩnh An	Bổ sung kinh phí tăng MILCS (1490.000 lên 1.800.000 ) cho Ban bảo vệ dân phố theo Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 05/06/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về chế độ chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố	35.526.000	35.261.800		264.200	
	<b>UBND TT Vĩnh An</b>	Bổ sung kinh phí nghi việc của Ban Bảo Vệ Dân Phố theo Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 05/06/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về chế độ chính sách, trang bị phương tiện, điều kiện làm việc và kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Bảo vệ dân phố	<b>7.560.000</b>	<b>7.560.000</b>		-	
<b>d</b>		<b>Bổ sung kinh phí nghi việc công an bán chuyên trách</b>	<b>51.740.000</b>	<b>51.740.000</b>		-	
	UBND xã Tân Bình	Bổ sung kinh phí nghi việc công an bán chuyên trách theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	16.390.000	16.390.000		-	
	UBND xã Tân An	Bổ sung kinh phí nghi việc công an bán chuyên trách theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	5.400.000	5.400.000		-	
	UBND xã Mã Đà	Bổ sung kinh phí nghi việc công an bán chuyên trách theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	22.500.000	22.500.000		-	
	UBND xã Vĩnh Tân	Bổ sung kinh phí nghi việc công an bán chuyên trách theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	7.450.000	7.450.000		-	
	<b>9 Chi Quốc Phòng</b>	<b>Nghi việc DQTT</b>	<b>89.400.000</b>	<b>89.400.000</b>		-	
	UBND xã Tân An	Bổ sung kinh phí Nghi việc DQTT cho UBND các xã, thị Trấn Vĩnh An theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thôi việc	7.450.000	7.450.000		-	



Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
	UBND xã Hiếu Liêm	Bổ sung kinh phí Nghi việc DQTT cho UBND các xã, thị trấn Vĩnh An theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	17.880.000	17.880.000		-	
	UBND xã Mã Đà	Bổ sung kinh phí Nghi việc DQTT cho UBND các xã, thị trấn Vĩnh An theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	19.370.000	19.370.000		-	
	UBND xã Vĩnh Tân	Bổ sung kinh phí Nghi việc DQTT cho UBND các xã, thị trấn Vĩnh An theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	26.820.000	26.820.000		-	
	UBND TT Vĩnh An	Bổ sung kinh phí Nghi việc DQTT cho UBND các xã, thị trấn Vĩnh An theo hướng dẫn công văn số 6397/STC-NSNN ngày 20/10/2023 của Sở Tài chính V/v nguồn chi trả các chế độ trợ cấp thời việc	17.880.000	17.880.000		-	
<b>10</b>	<b>Chi khác</b>		<b>7.495.241.735</b>	<b>513.427.000</b>	<b>5.438.345.779</b>	<b>1.543.468.956</b>	
	Ngân sách huyện	Hoàn trả ngân sách tỉnh kinh phí còn dư sau khi thực hiện QĐ số 122/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh (CV số 5967/STC-NSNN ngày 04/10/2023)	513.427.000	513.427.000		-	
	Ngân sách huyện	Chi hoàn trả khoản thu ngân sách huyện cho hộ Ông Huỳnh Thanh Phú (con của ông Huỳnh Văn Tuấn)	4.017.032			4.017.032	
	Ngân sách huyện	<b>Hoàn trả ngân sách tỉnh những nội dung hết nhiệm vụ chi NTTCS</b>	1.539.451.924	-	-	1.539.451.924	
		Kinh phí đất tưa	60.017.700			60.017.700	
		Công trình Cải tạo cảnh quan Khu vực cầu Thủ Biên (giai đoạn 2)	86.067.118			86.067.118	

Số TT	Đơn vị	Nhiệm vụ phát sinh	Tổng	Ngân sách tỉnh cấp	Ngân sách tỉnh cấp NTCS	Nguồn kết dư	Ghi chú
		Công trình Trồng cây xanh 2 bên các tuyến đường Phan Chu Trinh (đường 768 nói dài), đường Vĩnh Tân - Cây Diệp, đường 322A, đường 322B, đường trục 16 và khu vực đầu cầu Rạch Đông	351.335.416			351.335.416	
		Nâng cấp vỉa hè, HT chiếu sáng các tuyến đường nội ô nạo vét suối chống ngập trong mùa mưa	240.341.000			240.341.000	
		Duy tu s/c tuyến đưng cộ cây xoài	311.675.000			311.675.000	
		Xây dựng trạm bơm cấp nước sạch	248.808.000			248.808.000	
		Kinh phí lắp đặt hệ thống chiếu sáng, cải tạo công viên, khu hành chính, s/c các tuyến đường	199.041.000			199.041.000	
		Kinh phí chỉnh lý tài liệu	42.166.690			42.166.690	
	Ngân sách huyện	<b>Chi hoàn trả kinh bổ sung thực hiện dự án đường nội đồng tại cánh đồng Bình Lục – Long Phú</b>	<b>5.438.345.779</b>		<b>5.438.345.779</b>		